

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hồng Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Văn Lộc.
2. Bà Lê Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Diễm T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Tân Điền, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Tân Điền, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa bà Trinh có mặt, ông L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 06/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Diễm T trình bày:

Bà và ông L tự nguyện tìm hiểu, có thì đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01/2011, ngày 01/12/2011. Sau khi kết hôn bà và ông L sống với nhau hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp, ông L không lo làm ăn,

hay ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện đập phá đồ đạc. Bà và ông L đi ly thân gần 01 năm nay. Nay hạnh phúc hôn nhân không đạt được, bà xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thành Nhân, sinh ngày 12/10/2012. Bà Trinh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành Nhân, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn L đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông L không có ý kiến, đồng thời vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không có mặt trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các điều 170, 171, 173, 179 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng trình tự, thủ tục nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn và nuôi con của bà Bùi Thị Diễm T là chính đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Bùi Thị Diễm T có khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với ông Nguyễn Tấn L. Ông L có nơi cư trú tại Tổ 6, ấp Tân Điền, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28;

điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự thì:

Bà Bùi Thị Diễm T có đơn xin ly hôn nên tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Ông Nguyễn Tấn L tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Xét thấy bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Bùi Thị Diễm T và ông Nguyễn Tấn L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Tp. Hồ Chí Minh theo đúng quy định pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 58, ngày 01/12/2011 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trinh và ông L là hợp pháp, quyền lợi của các bên được pháp luật bảo vệ.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Trinh trình bày là đời sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp, ông L không lo làm ăn, hay ghen tuông vô cớ, kiêu chuyên đập phá đồ đạc, bà đã nhiều lần khuyên nhủ ông L nhưng ông L vẫn không thay đổi. Bà và ông L đi ly thân gần 01 năm nay. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân Ủy ban nhân dân xã Lý Nhơn xác nhận hiện nay bà Trinh và ông L có 01 con chung là Nguyễn Thành Nhân, từ đầu tháng 02/2020 bà Trinh và ông L không còn chung sống với nhau nữa.

Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông L đến để tham gia tố tụng nhưng ông L vắng mặt và không có văn bản yêu cầu gì khác cho thấy ông L đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Do đó, Tòa án căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, quan tâm chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc nhưng mâu thuẫn giữa bà Trinh và ông L đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Trinh yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thành Nhân, sinh ngày 12/10/2012. Xét thấy, hiện nay cháu Nhân đang sống cùng bà Trinh và đã có môi trường sống và học tập ổn định, nếu như giao cháu Nhân cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi cuộc sống và môi trường học tập, điều này sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ đến tinh thần và thể chất của cháu, đồng thời cháu Nhân cũng có nguyện vọng được sống cùng bà Trinh. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu

Nhân cho bà Trinh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là chính đáng và phù hợp.

Ông L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trinh không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trinh trình bày không có và không có ai yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Do bà Bùi Thị Diễm T là người nộp đơn xin ly hôn nên bà phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 53, 54, 56, 57 và 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016;

- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị Diễm T được ly hôn với ông Nguyễn Tấn L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Nhân, sinh ngày 12/10/2012 cho bà Bùi Thị Diễm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trinh không yêu cầu ông Nguyễn Tấn L cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị Diễm T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số AG/2011/06807 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ. Bà Trinh đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Hồng Khanh